SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HÀ NỘI
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
Hanoi Agricultural Products Quality Certification and Analysis Center
VILAS 642
Cơ sở 1: 143 Hồ Đắc Di – Đống Đa – Hà Nội / **Cơ sở 2:** Tổ 44 – Mai Dịch – Cầu Giấy – Hà Nội
Website: trungtamphantichchungnhanhanoi.gov.vn; **E.mail:** trungtamphantichhanoi@gmail.com
Điện thoại: 02438.512.566 – **Fax:** 02438.512.566

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1.Tên khách hàng/ *Client's Name:* **Phòng Hành chính Tổng hợp - Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội**

2. Địa chỉ/ *Client's Address:* 143 Hồ Đắc Di, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội

3. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving:* 21/06/2024

4. Thời gian phân tích/ *Date of testing:* 21/06/2024-05/07/2024

5. Thông tin mẫu/ *Information of sample:* **CHÈ HOA VÀNG 5 (AT24.ĐA.C.05)**
HTX NN hữu cơ xã Tiên Dương
Xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội

6. Tình trạng mẫu/*State of sample:* Đựng trong bao bì kín

7. Thời gian lưu mẫu/ *Storage time:* Không lưu mẫu

8. Kết quả thử nhiệm/*Test results:*

Stt/ *No.*	**Tên chỉ tiêu/** *Testing Analysis*	**Phương pháp thử/** *Test methods*	**Đơn vị/** *Unit*	**Kết quả/** *Results*	**Giới hạn cho phép/** *Limit of Quantitation*	**Đánh giá/** *Evaluate*
1	Độ ẩm[(1)] (*)	HD/PP/HH 12:2019 Ref TCVN 5613:2007	%	7,3	-	-
2	As(*)	HD/PP/HH 31:2019 Ref AOAC 986.15 AAS	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	1 000	Đạt[(2)]
3	Cd (*)	HD/PP/HH 30B:2019 Ref AOAC 986.15 AAS	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	1 000	Đạt[(2)]
4	Pb (*)	HD/PP/HH 30A:2019 Ref AOAC 986.15 AAS	µg/kg	KPH (LOD=50µg/kg)	2 000	Đạt[(2)]
5	Hg (*)	HD/PP/HH 32:2019 Ref AOAC 971.21 AAS	µg/kg	KPH (LOD=15µg/kg)	50	Đạt[(2)]
6	Buprofezin (*)	HD/PP/HH 51:2019 LC-MS/MS	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	30 000	Đạt[(3)]

7	Chlopyrifos (*)(***)	HD/PP/HH 76:2019 GC-ECD	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	2 000	Đạt(3)
8	Fenpropathrin (*)(***)	HD/PP/HH 76:2019 GC-ECD	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	3 000	Đạt(3)
9	Profenofos	HD/PP/HH 51:2019 LC-MS/MS	µg/kg	KPH	500	Đạt(3)
10	Clothianidin(*)	HD/PP/HH 51:2019 LC-MS/MS	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	700	Đạt(3)
11	Cypermethrin (*)	HD/PP/HH 76:2019 GC-ECD	µg/kg	KPH (LOD=150µg/kg)	15 000	Đạt(3)
12	Indoxacarb	HD/PP/HH 51:2019 LC-MS/MS	µg/kg	KPH	5 000	Đạt(3)
13	Propargite	HD/PP/HH 51:2019 LC-MS/MS	µg/kg	KPH	5 000	Đạt(3)
14	Deltamethrin (*)(***)	HD/PP/HH 76:2019 GC-ECD	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	5 000	Đạt(3)
15	Endosulfan (*)	HD/PP/HH 76:2019 GC-ECD	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	Chất cấm	Đạt(4)
16	Permethrin (*)(***)	HD/PP/HH 76:2019 GC-ECD	µg/kg	KPH (LOD=150µg/kg)	20 000	Đạt(3)
17	Thiamethoxam(*)	HD/PP/HH 51:2019 LC-MS/MS	µg/kg	KPH (LOD=30µg/kg)	20 000	Đạt(3)

Văn bản tham chiếu: (2): QCVN 8-2:2011/BYT; (3): Thông tư 50/2016/TT-BYT; (4): Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT.

Hà Nội, ngày 05 tháng 07 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
Laboratory

Nguyễn Thị Vân Quyên

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Bùi Thanh Hương

- *KPH: Không phát hiện(đối với chỉ tiêu vi sinh vật KPH trong 25g mẫu thử, với chỉ tiêu hóa học công bố LOD khi khách hàng yêu cầu)*
- *(*): Chỉ tiêu đã được công nhận đạt VILAS; (**): Chỉ tiêu được phân tích tại nhà thầu phụ; (***): Chỉ tiêu được công nhận của Bộ NN&PTNT: 028/2019/BNN-KNTP*
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Phòng thí nghiệm sẽ cung cấp độ không bảo đảm đo với từng chỉ tiêu khi khách hàng yêu cầu.*
- *Giải quyết mọi thắc mắc không quá 03 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu hẹn.*
- *Không được sao chép từng phần riêng rẽ của phiếu kết quả kiểm nghiệm khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
- *(1): Chỉ tiêu được phân tích tại cơ sở Hồ Đắc Di*